

QUAN HỆ QUỐC TẾ

MỸ VÀ ĐÔNG Á: NHÌN TỪ LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

Nguyễn Quốc Hùng
Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Chỉ chưa đầy nửa thế kỷ từ khi lập quốc (năm 1776), mặc dầu lãnh thổ còn đang mở rộng, các giới cầm quyền nước Mỹ đã bộc lộ những tham vọng bành trướng ra ngoài nước Mỹ. Đầu năm 1823, Tổng thống Mỹ Monroe đưa ra học thuyết mang tên ông - Học thuyết Monroe - với khẩu hiệu "Châu Mỹ của người châu Mỹ", thực chất là nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của các nước châu Âu ra khỏi châu Mỹ. Vào lúc bấy giờ, học thuyết Monroe chưa mang lại kết quả thực tế, nhưng đã vạch ra phương hướng quan trọng là bành trướng xuống khu vực Mỹ Latinh. Có thể xem đây là cái mốc khởi đầu cho những tham vọng toàn cầu của Mỹ, mà ngay từ thế kỷ XIX, nhà cách mạng dân chủ vĩ đại Cuba José Marti đã chỉ ra.

Vào nửa sau thế kỷ XIX, khi các nước tư bản châu Âu đua nhau xâm chiếm thuộc địa ở châu Á và châu Phi, nước Mỹ với nền kinh tế đang trên đà phát triển mạnh mẽ đã không thể không hành động. Khu vực Đông Á⁽¹⁾ đã nổi lên trên bản đồ bành trướng của nước Mỹ như một hướng quan trọng, sau Mỹ Latinh. Vào lúc này, nước Mỹ không thể đụng vào Canada ở phía Bắc, là thuộc địa của Đế quốc Anh đang hùng mạnh nhất thế giới. Nước Mỹ lại thật khó vươn sang châu Âu của những cường quốc hàng đầu thế giới như Anh, Pháp, Đức...

Theo hướng sang Đông Á, năm 1853 hạm đội Mỹ với 4 chiến thuyền do Đô đốc Perry dẫn đầu đã đến "gõ cửa", đòi Nhật Bản phải mở cửa thông thương. Trước sức mạnh của pháo hạm, năm sau người Nhật đã chấp nhận các yêu sách mở cửa, hạ bút ký vào các hiệp ước bất bình đẳng với Mỹ. Với những đặc quyền, đặc lợi được ưu đãi nhất ở Nhật, Mỹ đã đặt bàn chân đầu tiên của mình lên khu vực Đông Á.

Đến cuối thế kỷ XIX, như "một mũi tên bắn trúng hai con chim", chỉ trong cuộc chiến tranh ngắn ngủi với Tây Ban Nha năm 1898, Mỹ đã chiếm được hai thuộc địa lớn nhất của nước đế quốc già cỗi, suy yếu này là Cuba và Philippines. Cả hai quần đảo Cuba và Philippines đều là hai vị trí chiến lược - bàn đạp để Mỹ tiến xuống Mỹ Latinh và vươn sang châu Á. Từ Philippines, Mỹ xâm nhập vào châu Á, nhất là với nước Trung Hoa rộng lớn. Mỹ đã có thuộc địa đầu tiên ở Đông Nam Á và khác với các đế quốc Tây Âu, Mỹ không công khai thủ tiêu nền độc lập của Philippines. Philippines được gọi là một nước cộng hoà có quốc hội, có chính phủ riêng nhưng lại được hứa hẹn sẽ trao cho quyền tự trị...

Chưa đầy một năm sau, tháng 9/1899 Ngoại trưởng Mỹ John Hay đã gửi thông điệp cho các nước Anh, Đức, Nga, sau đó là cho Nhật, Ý, Pháp.

Thông điệp đòi “mở cửa” thị trường Trung Quốc với “khả năng đồng đều” cho tất cả các nước. Đằng sau những ngôn từ hoa mỹ chính là che đậy sự “chạm chân” của Mỹ trong cuộc xâu xé Trung Quốc. Dù chưa có kết quả, nhưng thông điệp “mở cửa” đã như một tuyên ngôn, rằng Mỹ bắt đầu chen chân vào lãnh thổ rộng lớn này, cạnh tranh với các nước tư bản khác đã có mặt ở đây.

Như thế, trong nửa sau thế kỷ XIX, Mỹ đã có sự hiện diện ở khu vực Đông Á dù rằng lúc này còn những hạn chế về thế và lực. Nước Mỹ ngày càng dính líu sâu hơn vào các quan hệ quốc tế ở khu vực này.

Bước sang thế kỷ XX, ngay từ những năm đầu, vị thế của Mỹ ở Đông Á lại có cơ hội được khẳng định, khi Tổng thống Mỹ Theodor Roosevelt đứng ra làm trung gian hoà giải cho hai nước Nga, và Nhật trong cuộc chiến tranh 1904-1905. Kết quả cuộc đàm phán Nga - Nhật đã theo đúng ý đồ kịch bản của Mỹ: không muốn nước Nga quá suy yếu mà mất thế diện và cũng không để nước Nhật đang vươn lên lại không bị kiềm chế, nhất là sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật 1895.

Với sự phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sau cuộc Nội chiến 1861-1865, từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, nước Mỹ đã biến đổi nhanh chóng “từ một dân tộc nông thôn, nông nghiệp đã trở thành một cường quốc công nghiệp có nền tảng là thép và than, các con đường sắt và sức hơi nước” và “đã trở thành một cường quốc thế giới mà ảnh hưởng toàn cầu của nó lần đầu tiên được cảm nhận thấy trong Chiến tranh thế giới thứ nhất”⁽²⁾.

Chỉ ngay sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất, với Hội nghị Washington (1921-1922) Mỹ đã giành được những ưu thế quan trọng ở khu vực Đông Á -

Thái Bình Dương, trở thành một nhân tố không thể thiếu được trong quan hệ quốc tế của khu vực.

Nước Mỹ vươn lên nhanh chóng

Nếu như sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Mỹ trở thành một cường quốc thế giới, thì sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), Mỹ là nước đế quốc giàu mạnh nhất, đứng đầu các nước tư bản chủ nghĩa, và là một cực của trật tự thế giới hai cực sau chiến tranh.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, có thể nói vị trí địa - chính trị của Đông Á càng trở nên nổi bật và quan trọng. Những quyết định của Hội nghị Yalta (2/1945) về xác lập một trật tự thế giới mới, thực ra chỉ có quan hệ trực tiếp với châu Âu và châu Á, đúng ra là Đông Á với những thoả thuận về Trung Quốc, Nhật Bản, bán đảo Triều Tiên và Đông Nam Á. Đó là chưa kể tới những yêu sách của Liên Xô về Mông Cổ, đảo Sakhalin và quần đảo Curin đều thuộc Đông Á, mà Mỹ, Anh đã chấp nhận, để Liên Xô tham chiến chống Nhật.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, ở Đông Á đã diễn ra những biến chuyển to lớn làm thay đổi bản đồ chính trị khu vực. Đó là cao trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, là thắng lợi của cách mạng Trung Quốc với sự ra đời của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, là sự xuất hiện của bốn nước xã hội chủ nghĩa từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á và vào những năm 50 và 60 thế kỷ XX, hai nước Indonesia và Myanmar, cùng các nước Ấn Độ, Ai Cập... đã khởi xướng Phong trào các nước không liên kết nổi tiếng, khi ở Đông Á đã diễn ra nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc trong bối cảnh đối đầu giữa hai

phe. Nhưng ở Đông Á cũng lại xuất hiện những hiện tượng mới. Đó là sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế Nhật Bản từ những hoang tàn đổ nát của một nước bại trận. Chỉ trong khoảng hai thập niên, đến cuối những năm 1960 nền kinh tế Nhật Bản đã lần lượt đuổi kịp và vượt các nước Pháp, Anh, Đức và chỉ đứng sau Mỹ. Cũng từ đầu thập niên 1960, nhiều nước và lãnh thổ thuộc ảnh hưởng của Mỹ như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore... đã tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và họ đã có những phát triển vượt bậc đáng kinh ngạc. Trong sự thành công của Nhật Bản cũng như Hàn Quốc, Đài Loan... không thể không nói tới nhân tố Mỹ với những ảnh hưởng quan trọng về chính trị và những viện trợ to lớn về kinh tế - tài chính. Vị thế của Mỹ ở Đông Á được khẳng định với những đồng minh liên kết song phương và đa phương chưa từng thấy.

Đông Á trở thành một chiến trường của Chiến tranh Lạnh và là khu vực địa - chính trị hàng đầu trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Nước Mỹ đã đổ không ít tiền của vào khu vực này với những thành công và cả thất bại nặng nề như trong cuộc chiến tranh Việt Nam (1954-1975).

2. Sau khi Trật tự hai cực tan rã, tình hình Đông Á và thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và những tập hợp lực lượng mới.

Đối với khu vực Đông Á sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ vẫn rất quan tâm, vẫn là một bộ phận cấu thành quan trọng trong chiến lược toàn cầu nhằm mưu đồ thống trị thế giới. Mỹ có những lợi thế lớn, đó là những mối liên hệ lịch sử lâu dài ở khu vực; là lực lượng và sức mạnh vượt trội của Mỹ so với hầu hết các nước. Mỹ có

những đồng minh chiến lược và lúc này chưa có một quốc gia nào có thể đủ sức cạnh tranh và đối đầu quyết liệt với Mỹ.

Nhưng cũng sau Chiến tranh, tình hình Đông Á lại có những diễn biến phức tạp, luôn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn, đe dọa hoà bình, an ninh và thách thức vai trò của Mỹ ở khu vực. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trước hết là Đông Á, "là điểm hội tụ các mâu thuẫn về tín ngưỡng tôn giáo, truyền thống văn hoá, quan niệm chính trị, mô thức kinh tế giữa phương Đông và phương Tây, là khu vực tập trung nhất sức mạnh của các nước lớn"⁽³⁾. Trong khi đó, về chiến lược quân sự - an ninh của Mỹ ở Đông Á lại "có những khoảng cách rất lớn ở chiến trường châu Á. Mật độ bố trí căn cứ của Mỹ và cơ sở hạ tầng trên tuyến đường đó thấp hơn so với những khu vực quan trọng khác. Mỹ cũng có ít sự bảo đảm hơn đối với việc tiếp cận các cơ sở ở khu vực này"⁽⁴⁾. Vì thế, theo bản báo cáo "Đánh giá quốc phòng 4 năm một lần" (9/2001) Mỹ chủ trương đưa vị trí của Đông Á lên trước châu Âu⁽⁵⁾ và ở Đông Á, vấn đề an ninh được Mỹ quan tâm nhiều hơn là các vấn đề kinh tế khác⁽⁶⁾. Đó là những chủ trương quan trọng, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là Mỹ sao nhãng những quan hệ kinh tế với khu vực Đông Á. Không kể những thị trường lớn và quan trọng từ lâu đối với Mỹ như Nhật Bản, Trung Quốc, chỉ trong vòng 10 năm trở lại đây, quan hệ kinh tế giữa Mỹ và ASEAN đã phát triển nhanh chóng. Hiện Mỹ là quốc gia dẫn đầu trong đầu tư vào ASEAN với mức 8,7 tỷ USD. Năm 2005 kim ngạch thương mại hai chiều Mỹ - ASEAN là 152 tỷ USD, tăng 12,4% so với năm trước⁽⁷⁾.

Nhìn lại 15 năm qua, mối quan hệ của Mỹ với các nước Đông Á đã tập trung vào những vấn đề quan trọng nhất như sau:

Một là, dựa vào những lợi thế chính trị, quân sự và kinh tế, Mỹ không ngừng xác lập và củng cố vai trò lãnh đạo của mình ở khu vực, duy trì hoà bình ổn định, và ngăn chặn bất kỳ một quốc gia nào hay một nhóm nước nào, kể cả những ý định lập ra các tổ chức có thể thách thức vai trò của Mỹ ở khu vực. Mỹ đã phản đối rất gay gắt việc đề xuất thành lập “Nhóm kinh tế Đông Á” (EAEC) của Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad vào đầu năm 1990, bao gồm các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Hoặc sau này, vào đầu năm 2002, trong chuyến thăm 5 nước ASEAN, Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi đã đưa ra ý tưởng thành lập “Khối cộng đồng Đông Á” với Nhật Bản và ASEAN làm cơ sở, đồng thời gồm cả ASEAN + 3 và mở rộng thêm Australia, New Zealand. Tuy Mỹ không công khai phản đối, nhưng các nước ASEAN lại tỏ ra không mấy mặn mà, thành ra ý tưởng của Thủ tướng Nhật Bản bị chìm lắng theo thời gian. Vào cuối năm 2005, theo sự thống nhất ý kiến về mục tiêu lâu dài của hợp tác Đông Á là thiết lập “Cộng đồng Đông Á” tại Hội nghị ASEAN + 3 lần thứ 8 (Lào, 11/2004), Hội nghị thượng đỉnh Đông Á lần thứ nhất đã họp tại Malaysia. Mỹ không phải là thành viên tham dự hội nghị, nhưng hầu như cũng không bày tỏ thái độ, bởi cuộc hội nghị ở Malaysia mới chỉ mở ra những hy vọng mới về một sự liên kết của khu vực Đông Á vốn không đơn giản và dễ dàng. Và lại, nhìn rộng ra toàn cầu, “sân chơi” Mỹ vẫn có sức hấp dẫn lớn, các nước

không thể bỏ qua “sân chơi” ấy dù họ đang chơi ở nhiều “sân chơi” khác.

Hai là, từ sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ đã thực sự phải quan tâm và ngày càng coi trọng quan hệ với Trung Quốc. Với những phát triển mạnh mẽ và liên tục hơn 1/4 thế kỷ qua, ngày nay Trung Quốc đã có một nền kinh tế lớn đứng thứ tư trên thế giới, trở thành cường quốc khu vực và đang vươn lên thành một cường quốc thế giới. Ngay từ năm 1993, Z. Brzezinski “không phải là tiên đoán mà là báo động khẩn thiết” (lời của ông ta), rằng: “Trung Quốc có thể được trao cho chiếc áo chỉ huy (thế giới). Trung Quốc sẽ tự mình thách thức sự bất bình đẳng trên thế giới. Đó là một nước khổng lồ với hơn một tỷ dân đã tham gia một cuộc đấu tranh kéo dài và cho đến nay ít nhất cũng thành công chống lại bất bình đẳng. Đây không chỉ là một nhà nước, một quốc gia trong một thế giới gồm nhiều nhà nước như thế. Đó là một nhà nước duy nhất đồng thời là một nền văn minh thực sự rõ nét”⁽⁸⁾. Ông còn viết: “Vào năm 2010, Trung Quốc có thể trở thành cường quốc kinh tế thế giới hàng thứ 4, sau Mỹ, châu Âu, Nhật Bản”⁽⁹⁾. Ngày nay, Trung Quốc “đã trở thành quốc gia quan trọng đối với nền ngoại giao Hoa Kỳ”⁽¹⁰⁾. Đài Loan lại là một nhân tố quan trọng trong quan hệ Trung - Mỹ. Dù tuyên bố thừa nhận “Một nước Trung Quốc”, “Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ Trung Quốc”, nhưng Mỹ vẫn đứng sau Đài Loan. Rõ ràng, vấn đề Đài Loan là một hàn thử biểu của quan hệ Trung - Mỹ, số phận của nó phụ thuộc vào quan hệ Trung - Mỹ.

Trong quan hệ Mỹ - Trung còn nổi lên từ nhiều năm qua là vấn đề vũ khí hạt nhân của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Vấn đề đã kéo

dài khá lâu và đầy những thăng trầm. Có tờ báo nước ngoài đã viết: “Con chuột” Bắc Triều Tiên đang vờn các “Đại gia”, bởi những tuyên bố, quyết định của nước này không hiếm những bất ngờ, thay đổi và khó lường trước được. Còn các đại gia lại nhìn nhau và khó có được những ý kiến và giải pháp thống nhất. Dư luận chung mong muốn bán đảo Triều Tiên hoà bình ổn định và không có vũ khí hạt nhân.

Ba là, một thành công của Mỹ ở Đông Á là Mỹ đã biến Nhật Bản từ một kẻ thù trong Chiến tranh thế giới thứ hai thành một đồng minh chiến lược. Đó cũng là sự lựa chọn có ý nghĩa quyết định về sự tồn tại và con đường phát triển của Nhật Bản trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh giữa hai phe, nhất là ở khu vực Đông Á. Mối quan hệ đồng minh Mỹ - Nhật đã tồn tại hơn nửa thế kỷ và chắc chắn sẽ tiếp tục không chỉ trong một tương lai gần. Tờ Sankei (Nhật Bản) trong số ra đầu tháng 9/2006 đã bàn về chính sách an ninh của Nhật Bản khi Chính quyền của Thủ tướng Shinzo Abe thay thế Chính quyền Koizumi: “Dù thế nào đi chăng nữa, thì việc duy trì quan hệ đồng minh Nhật - Mỹ vẫn là vấn đề ưu tiên nhất trong chính sách an ninh của Nhật Bản, cần thực hiện tái bố trí quân Mỹ ở Nhật Bản và xem xét lại đại cương phòng vệ”⁽¹¹⁾.

Nhật Bản đang cố gắng có một chính sách đối ngoại tự chủ hơn, trở thành một quốc gia bình thường, đúng hơn là một cường quốc chính trị, nhưng tất cả vẫn trên cái nền căn bản quan hệ Mỹ - Nhật. Nhật Bản vẫn là một trụ cột trong chiến lược toàn cầu của Mỹ ở Đông Á.

Bốn là, trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Đông Nam Á là khu vực mà Mỹ là cường quốc có ảnh hưởng lớn nhất

với những chính sách can thiệp và dính líu sâu nhất, và đã đẩy lùi thế lực của các cường quốc Tây Âu. Mỹ đã lập ra khối quân sự SEATO cùng nhiều căn cứ quân sự, ký kết nhiều hiệp ước đồng minh tay đôi và tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược... Sau chiến tranh Việt Nam, Đông Nam Á dường như rơi vào “khoảng trống quyền lực” và hình như không còn được sự quan tâm của Mỹ, Washington đã đóng cửa các căn cứ quân sự ở Thái Lan, đã trao trả hai căn cứ không quân và hải quân khổng lồ Clark và Subic cho Chính phủ Philippines. Và nhất là trong cuộc khủng hoảng tài chính 1997-1998, Mỹ hầu như đã bỏ rơi Thái Lan và các nước ASEAN. Dư luận cho rằng Mỹ đã hướng sự chú ý lên khu vực Đông Bắc Á đầy những diễn biến phức tạp, hơn nữa Mỹ đang bận rộn với cuộc chiến chống khủng bố và bị sa lầy ở Iraq.

Nhưng thật ra tình hình lại không hẳn như thế. Bởi “Mỹ đang có những quan hệ đầu tư, thương mại rộng lớn với các nước Đông Nam Á và duy trì sự có mặt quân sự mạnh trong khu vực”⁽¹²⁾. Đặc biệt sau sự kiện ngày 11/9/2001, Mỹ coi Đông Nam Á là chiến trường thứ hai của cuộc chiến tranh chống khủng bố, bởi hàng loạt những sự kiện bi thảm do các nhóm khủng bố gây ra ở Indonesia, Philippines và miền Nam Thái Lan. Mỹ đã nhanh chóng viện trợ gần 300 triệu USD và phái hàng trăm binh lính sang giúp Philippines tiêu diệt các phần tử khủng bố ở nước này. Nhân cơ hội này, Mỹ chủ trương thiết lập căn cứ quân sự trên đảo Mindanao ở cực Nam Philippines. Căn cứ đó không chỉ để chống khủng bố mà còn có ý nghĩa chiến lược quan trọng ở chỗ “giúp hoàn chỉnh vòng

cung an ninh của Mỹ, tạo sức mạnh bổ sung cho những căn cứ Mỹ đã có ở Nhật Bản, Hàn Quốc, và Hawaii để ngăn ngừa sự phiêu lưu của Trung Quốc ở Đông Nam Á"⁽¹³⁾.

Đông Á cũng như châu Á còn ngổn ngang tiềm ẩn bao thách thức và nguy cơ có xung đột. Khác với châu Âu, châu Á rộng lại chưa có được một cơ chế pháp lý bảo đảm hoà bình và an ninh. Đông Á cũng trong tình hình như vậy. Vì lẽ đó, các nước ASEAN đã chủ động và có nhiều cố gắng để bước đầu thiết lập những thiết chế an ninh cần thiết. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) là một nỗ lực theo hướng đó và đã có được sự hưởng ứng tham gia của nhiều cường quốc ngoài ASEAN. Mỹ đã tham gia ARF với tư cách một thành viên đối tác, cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ...

Kể từ khi đoàn chiến thuyền của Đô đốc Perry đến Nhật Bản năm 1853, cho tới nay, đã hơn 150 năm Mỹ có quan hệ với khu vực Đông Á. Dù bối cảnh thế giới và khu vực có những thay đổi biến chuyển qua các thời kỳ lịch sử, nhưng có một sự thật xuyên suốt trong hơn 150 năm ấy là thế mạnh thuộc về Mỹ, hầu hết các quốc gia dân tộc ở khu vực phải chịu những áp chế, bất công và bất bình đẳng...

Ngày nay, thế giới đã sang chương mới. So sánh lực lượng giữa các quốc gia đã diễn ra những thay đổi với nhiều nền kinh tế - chính trị nổi lên

như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á liên kết với nhau trong tổ chức ASEAN. Nước Mỹ chắc chắn vẫn duy trì mối quan hệ và vai trò của mình ở Đông Á, nhưng không thể không có những điều chỉnh để thích ứng với một trật tự thế giới mới, trong đó dân chủ công bằng, hoà bình ổn định và hợp tác phát triển là xu hướng chính ■

Chú thích:

- (1) Đông Á trong bài viết này được nhận thức là bao gồm Đông Bắc Á và Đông Nam Á.
- (2) Howard Cincotta. Khái quát về lịch sử nước Mỹ. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 268.
- (3) Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược sang Châu Á - Thái Bình Dương. Tài liệu tham khảo tháng 9 + 10.2001 (TTXVN), tr. 49.
- (4) (5) Theo: Lê Linh Lan (Chủ biên). Về chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay. NXB Chính trị quốc gia, hn, 2004, tr. 152.
- (6) Tạp chí "Châu Mỹ ngày nay" số 6/2006, tr. 29.
- (7) Hà Nội mới, 6/9/2006.
- (8)(9) Z. Brzezinski. Ngoài vòng kiểm soát - Sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI. Tổng cục II, Bộ Quốc phòng, Hà Nội, 1993, tr. 256,259.
- (10) Tài liệu tham khảo đặc biệt (TTXVN), 25/9/2006.
- (11) TLTKĐB, 11/9/2006.
- (12) TLTKĐB, 4/8/2006.
- (13) TLTKĐB, 8/9/2006.